

KẾ HOẠCH

Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của huyện Ia Pa

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-SNV ngày 22/11/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND huyện xây dựng Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của huyện Ia Pa với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Xác định Chỉ số cải cách hành chính (viết tắt là Chỉ số CCHC) của các UBND các huyện dựa trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh về ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai (viết tắt là Quyết định số 355/QĐ-UBND).

- Trong quý II hằng năm (năm sau liền kề năm đánh giá) báo cáo Sở Nội vụ kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của huyện.

- Làm căn cứ đánh giá, phân loại và xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức của huyện.

2. Yêu cầu

- Bám sát các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh về CCHC.

- Công tác xác định Chỉ số CCHC phải được tổ chức định kỳ hàng năm (năm hiện hành đánh giá, xếp loại của năm trước liền kề); phải đảm bảo tính trung thực, khách quan và được công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định. Kết quả tự đánh giá, chấm điểm của huyện phải phản ánh đúng thực chất kết quả, hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương đã được quy định.

- Điều tra xã hội học do Sở Nội vụ phối hợp với Bưu điện tỉnh độc lập thực hiện. UBND huyện chịu trách nhiệm cung cấp thông tin địa chỉ, số điện thoại của người giao dịch hồ sơ hành chính để phục vụ cho việc điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số CCHC theo yêu cầu của tỉnh.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân, doanh nghiệp đối với công tác CCHC của huyện nói chung và sự chủ động của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác CCHC của huyện nói riêng.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung và thang điểm đánh giá

1.1 Chỉ số CCHC cấp huyện

- Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp huyện được quy định cụ thể tại Bảng 2 của Quyết định số 355/QĐ-UBND.

- Nội dung được đánh giá, xác định trên 7 lĩnh vực, 36 tiêu chí và 55 tiêu chí thành phần, gồm:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại UBND cấp huyện: 3 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 9 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức: 6 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 5 tiêu chí;
- + Hiện đại hóa hành chính: 4 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;

1.2 Thang điểm đánh giá

- Thang điểm xác định Chỉ số CCHC cấp huyện là 100 điểm, trong đó:
- + Điểm tự đánh giá: 65 điểm;
- + Điểm thưởng: 5 điểm;
- + Điểm trừ: 5 điểm;
- + Điểm điều tra xã hội học: 30 điểm.

2. Điều tra xã hội học cấp huyện

Phòng Nội vụ huyện chịu trách nhiệm tổng hợp danh sách cung cấp thông tin địa chỉ, số điện thoại của người giao dịch hồ sơ hành chính để phục vụ cho việc điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số CCHC theo yêu cầu của tỉnh.

3. Quy trình đánh giá, xác định Chỉ số CCHC

3.1. Tự đánh giá, chấm điểm

a) Hằng năm, vào năm sau liền kề năm đánh giá, các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ tại Mục III của Kế hoạch này, Bảng phân công cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số CCHC (*Có bảng phân công kèm theo*); căn cứ vào Bảng 2 (*Hướng dẫn chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC của UBND các huyện*) kèm theo Kế hoạch này để tự đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Bảng 2 tại Quyết định số 355/QĐ-UBND.

3.2. Cách tính điểm xác định Chỉ số CCHC

Điểm kết quả đạt được của huyện = [(Điểm tự đánh giá + Điểm thưởng)] – Điểm trừ]

3.3. Hồ sơ tự đánh giá gửi về Phòng Nội vụ

a) Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm và kèm theo các tài liệu kiểm chứng để chứng minh cho các kết quả đạt được của cơ quan, đơn vị gửi về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 20/01/2019 để tổng hợp, phục vụ việc tổng hợp kết quả tự chấm điểm của huyện.

b) Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC theo Bảng 2 của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tài liệu kiểm chứng:

- Các kế hoạch, báo cáo, đề án, quyết định, văn bản chỉ đạo, văn bản hướng dẫn, các số liệu thống kê, thông tin, tập tài liệu về hội thi, bài báo, hình ảnh, đường link trên Website... về CCHC đã được ban hành, triển khai thực hiện làm căn cứ chứng minh việc chấm điểm các tiêu chí trong năm. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể bằng văn bản cách đánh giá, tính điểm để tổng hợp.

- Tài liệu kiểm chứng khi gửi về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) là tài liệu scan theo định dạng PDF có đầy đủ chữ ký số, con dấu theo thẩm quyền (không gửi văn bản giấy); tài liệu được xếp theo thứ tự từng tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm điểm để cơ quan tổng hợp dễ tổng hợp, đối chiếu, tránh trường hợp bỏ sót dẫn đến việc tự thẩm định, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của huyện chưa sát với thực tế đạt được.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC (tự đánh giá, tự chấm điểm) sử dụng từ nguồn kinh phí đã bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định phân cấp quản lý ngân sách.

2. Trách nhiệm thực hiện

2.1 Phòng Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp, đôn đốc cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương theo kế hoạch này.

b) Tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí: 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.6 về lĩnh vực 1; các tiêu chí tại lĩnh vực 4; các tiêu chí tại lĩnh vực 5; tiêu chí 1, 3 - phần Điểm thưởng.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ theo quy định.

2.2 Văn phòng HĐND-UBND huyện

Tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí: 1.5 thuộc lĩnh vực 1; 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9 thuộc lĩnh vực 3; tiêu chí 7.4 thuộc lĩnh vực 7; tiêu chí 2,6 - phần Điểm thưởng, các tiêu chí Phần III- Điểm trừ;

2.3 Phòng Tư pháp

Tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí: 1.2 thuộc lĩnh vực 1; 2.1, 2.2, 2.3 thuộc lĩnh vực 2.

2.4 Phòng Tài chính-Kế hoạch

a) Tổng hợp, tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện quyết định bố trí kinh phí vào dự toán hằng năm cho UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để thực hiện tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC.

b) Tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí: 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5 thuộc lĩnh vực 6.

2.5 Phòng Văn hóa-Thông tin

Tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí: 1.2 thuộc lĩnh vực 1; 7.1, 7.2, 7.3 thuộc lĩnh vực 7; tiêu chí 4,5 Phần II- Điểm thưởng

2.7 Các cơ quan, ban, ngành huyện và UBND cấp xã

Để phục vụ cho công tác chấm điểm chỉ số CCHC năm 2018, UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã triển khai một số nội dung sau:

- Nghiên cứu kĩ và triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Bộ Chỉ số CCHC của UBND các huyện, thị xã, thành phố kèm theo Quyết định số 355, hướng dẫn chấm điểm theo Bộ chỉ số, đảm bảo các nhiệm vụ, các tiêu chí, tiêu chí thành phần được triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ, hiệu quả. *(Có hướng dẫn chấm điểm kèm theo)*

Lưu ý:

1. Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã khi ban hành các văn bản như: Quyết định, kế hoạch, báo cáo...thực hiện theo hướng dẫn chấm điểm chỉ số CCHC để làm tài liệu kiểm chứng thì yêu cầu gửi đồng thời cho UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi và chuẩn bị đầy đủ luận chứng phục vụ cho quá trình tự đánh giá chỉ số CCHC của huyện theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần có liên quan đến các xã thì phải chủ động yêu cầu UBND các xã cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng theo quy định.

- Căn cứ các tiêu chí, tiêu chí thành phần, các cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về điểm số của các tiêu chí, tiêu chí thành phần *(Có bảng phân công kèm theo)*. Rà soát lại các nhiệm vụ đã thực

hiện trong năm 2018, khắc phục những tồn tại, hạn chế và tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ chưa thực hiện, chưa hoàn thành. Báo cáo kết quả tự chấm điểm và gửi kèm toàn bộ tài liệu kiểm chứng về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ huyện) theo địa chỉ hanglitt.iapa@gialai.gov.vn trước ngày 20/01/2019 để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ. 

Nơi nhận:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Văn hóa-Thông tin;
- Lđ UBND huyện
- UBND các xã;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT 



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Hùng

Bảng phân công cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số CCHC của UBND huyện

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 03 /KH-UBND ngày 05 /01/2019 của UBND huyện)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
I	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC	65			
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	11			
1.1	Kế hoạch CCHC	2			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	1		Phòng Nội vụ	
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 1				
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0				
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC (căn cứ sản phẩm đầu ra đạt được theo kế hoạch của địa phương)	1		Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan được phân công theo Kế hoạch
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1				
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	3			
	Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 1			Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
	Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL: 0.5			Phòng Tư pháp	
	Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật: 0.25			Phòng Tư pháp	
	Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.25			Phòng Nội vụ	
	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 1			Phòng VHTT	
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2			
1.3.1	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm	1		Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã
	Từ 30% số đơn vị trở lên: 1				
	Dưới 30% số đơn vị: 0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	<i>ngợi xử lý: 1</i> <i>Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5</i> <i>Dưới 70% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2			
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1		Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị được phân công theo Kế hoạch
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>				
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ việc tuyên truyền trên các kênh truyền thống của cấp huyện: 0.5</i> <i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5</i>				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh hoặc UBND tỉnh giao	1		Văn phòng HĐND-UBND	Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, UBND các xã
	<i>Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định: 1</i>				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>				
1.6	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới được UBND tỉnh phê duyệt áp dụng trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả trong công tác CCHC của tỉnh	1		Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
	<i>Có đề xuất giải pháp, cách làm mới: 1</i>				
	<i>Không đề xuất: 0</i>				
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG	5			
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	3		Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1			
	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25</i>				
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25</i>				
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5</i>				
2.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch TDTHPL	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1				
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0				
2.1.3	Xử lý kết quả TDTHPL	1			
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1				
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0				
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1			
	100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 1				
	Dưới 100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 0				
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1			
	Từ 100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 1				
	Dưới 100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 0				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	15.5			
3.1	Rà soát, đánh giá TTHC	1.5			
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND cấp huyện	0.5		Văn phòng HĐND-UBND	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
	Có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và có ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0.5				
	Không có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và không ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0				
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	0.5			
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5				
	Hoàn thành từ 70% - 100% kế hoạch: 0.25				
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0				
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.5			
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5				
	Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.25				
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
3.2	Công khai thủ tục hành chính	1.5			
3.2.1	Niên yết, công khai danh mục TTHC được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận Một cửa)	1		Văn phòng HĐND-UBND	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
	Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, Danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 0.5				
	Hộp thư góp ý: 0.5				
3.2.2	Công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	0.5		Văn phòng HĐND-UBND	Phòng VHTT, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
	100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5				
	Dưới 100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0				
3.3	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1.5		Văn phòng HĐND-UBND	Các cơ quan, đơn vị, UBND xã
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa	0.5			
	100% số TTHC: 0.5				
	Dưới 100% số TTHC: 0				
3.3.2	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	1			
	Từ 30 TTHC trở lên: 1				
	Từ 20 - 29 TTHC: 0.5				
	Từ 10 - 19 TTHC: 0.25				
	Dưới 10 TTHC: 0				
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	2			
	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 2				
	Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	Từ 70% - dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0.5				
	Dưới 70% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0				
3.5	Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2.5			
3.5.1	Bố trí công chức; thực hiện chế độ phụ cấp; đồng phục và đeo thẻ công chức đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	0.5			
	Thực hiện đúng theo quy định: 0.5				
	Không thực hiện đúng theo quy định: 0				
3.5.2	Trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1			
	Đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin: 1				
	Không đáp ứng: 0				
3.5.3	Tỷ lệ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử	1			
	100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 1				
	Dưới 100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 0				
3.6	Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2			
3.6.1	Thực hiện đúng các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi) theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
	Thực hiện đúng quy định: 1				
	Thực hiện không đúng quy định: 0				
3.6.2	Việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi)	0.5			
	Đầy đủ, chính xác: 0.5				
	Chưa đầy đủ, chính xác: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
3.6.3	Tiếp nhận đúng các thành phần hồ sơ như TTHC đã niêm yết, công khai	0.5			
	Thực hiện đúng quy định: 0.5				
	Thực hiện không đúng quy định: 0				
3.7	Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã (nếu có)	1			
	100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 1				
	Dưới 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 0				
3.8	Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã trong việc triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.5			
3.8.1	Hoàn thiện quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5			
	Kịp thời rà soát các quy định và hoàn thiện quy chế của địa phương: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
3.8.2	Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã tạo điều kiện cho tổ chức, công dân giám sát	1			
	Thực hiện đầy đủ: 1				
	Không thực hiện đầy đủ: 0				
3.9	Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2			
3.9.1	Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1			
	Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và đường dây nóng; thực hiện tiếp nhận PAKN của công dân, tổ chức đúng quy định: 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không thực hiện việc tiếp nhận PAKN: 0</i>				
3.9.2	Xử lý, giải quyết PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1			
	<i>100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0</i>				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6.5			
4.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2.5		Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
4.1.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>				
4.1.2	Hoàn thiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5			
	<i>Có quy chế làm việc phù hợp với quy định pháp luật và hiện trạng cơ cấu tổ chức, nhân sự: 0.5</i>				
	<i>Có quy chế làm việc nhưng phân công trách nhiệm lãnh đạo chưa rõ: 0.25</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
4.1.3	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện	1			
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	3			
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	<i>hành chính được giao: 1</i>			Phòng Nội vụ	
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>				
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>				
4.2.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế của UBND cấp huyện	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0</i>				
4.3	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của UBND cấp huyện	1			
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0</i>				
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	7.5			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2			
5.1.1	UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1			
	<i>Không có tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 1</i>				
	<i>Còn tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 0</i>				
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1			
	<i>Đã xây dựng Đề án điều chỉnh, tinh giản vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 0.25</i>				
	<i>80% đơn vị đã hoàn thiện mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt: 0.5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	Bổ trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0.25				
	Bổ trí viên chức chưa đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0				
5.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện	1			
	100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định: 1				
	Dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định: 0				
5.3	Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm sau khi có kết luận vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền	1			
	Xử lý, khắc phục kịp thời: 1				
	Xử lý, khắc phục chưa kịp thời: 0				
5.4	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1.5			
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức và báo cáo đúng thời gian quy định	0.5			
	Thực hiện đúng quy định: 0.5				
	Không thực hiện đúng quy định: 0				
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1			
	Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cấp phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5				
	Trong năm không có cán bộ, công chức, cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.5				
5.5	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của UBND cấp huyện	1			
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1				
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				
5.6	Cán bộ, công chức cấp xã	1			
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ cấp xã	0.5			
	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5				
	Dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của công chức cấp xã	0.5			
	100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5				
	Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0				
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4.5			
6.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ	1			
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 1				
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 0				
6.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 115/2007/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP	1			
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 1				
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 0				
6.3	Báo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	1			
	Đủ số lượng và đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định: 1				
	Không đủ số lượng hoặc không đảm bảo về nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0				
6.4	Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm	1			

Phòng Tài
chính-Kế
hoạch

Các cơ
quan, đơn
vị, UBND
các xã

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1				
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian quy định: 0				
6.5	Quản lý, sử dụng kinh phí hành chính	0.5			
	Thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0.5				
	Không thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0				
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của địa phương	3.5			
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1			
	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và được ký chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ	1			
	100% số văn bản (trừ văn bản Mật): 1				
	Từ 90% - dưới 100% văn bản (trừ văn bản Mật): 0.5				
	Dưới 90% số văn bản: 0				
7.1.3	Chất lượng Cổng/Trang thông tin điện tử của địa phương	1			
	Thông tin kịp thời, đầy đủ: 1				
	Thông tin không kịp thời, không đầy đủ: 0				
7.1.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.5			
	100% cấp xã đã kết nối liên thông tới cấp tỉnh: 0.5				
	Dưới 100% cấp xã đã kết nối liên thông: 0				
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3.5			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5			
	Từ 80% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.5				
	Từ 60% - dưới 80% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.25				
	Dưới 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức				

Phòng VHTT

Văn phòng
HĐND-
UBND, các
cơ quan,
đơn vị,
UBND các
xã

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	<i>độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0</i>			Phòng VHTT	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1			
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>				
	<i>Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0.5</i>				
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>				
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1			
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>				
	<i>Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0.5</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>				
7.2.4	Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được tích hợp tập trung vào Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (http://dvc.gialai.gov.vn)	1			
	<i>Có tích hợp tập trung: 1</i>				
	<i>Không tích hợp tập trung: 0</i>				
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	3			
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1			
	<i>Từ 70% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0</i>				
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1			
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{10\%} \right]$				
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1			
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>				
	<i>Dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ \% số hồ sơ $\times$ 1.00)/(15%)]</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	5		Văn phòng HĐND-UBND	Phòng VHTT, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
7.4.1	Thực hiện triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại tất cả các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1			
7.4.2	Thực hiện việc công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của địa phương	0.5			
7.4.3	Thực hiện áp dụng và duy trì tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào hoạt động, gồm 4 hoạt động: + Ban hành mục tiêu chất lượng: 0,25; + Tổ chức hoạt động đánh giá nội bộ định kỳ theo quy trình đánh giá nội bộ đã xây dựng: 0,25; + Đánh giá thực hiện mục tiêu chất lượng: 0,25; + Tiến hành xem xét của lãnh đạo hàng năm: 0,25.	1			
7.4.4	Việc kiểm soát, vận hành Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008	1			
	Thực hiện đầy đủ việc rà soát, sửa đổi, bổ sung cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính, kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định công bố thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành: + Trong vòng 45 ngày: 0,5 + Trong vòng 90 ngày: 0,25 + Quá 90 ngày: 0				
	Thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sau các lần đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo và cuộc kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra: - Đã thực hiện: 0,5 - Không thực hiện: 0				
7.4.5	Báo cáo hàng năm việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 vào hoạt động quản lý của UBND cấp huyện (tổng hợp cả cấp xã)	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1				
	Thực hiện không đúng thời gian hoặc không có báo cáo: 0				
7.4.6	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định	0.5			
	100% cấp xã đã công bố: 0.5				
	Dưới 100% cấp xã: 0				
II	ĐIỂM THUỞNG	5			
1	Kết quả tự chấm điểm chỉ số CCHC hằng năm chính xác 100% và gửi kết quả tự chấm đúng thời gian hướng dẫn của Sở Nội vụ	1		Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
2	Trong năm không có hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hạn dưới bất kỳ hình thức nào (qua kiểm tra trên phần mềm Hệ thống tổng hợp thông tin Một cửa tỉnh Gia Lai và qua kiểm tra thực tế của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát...)	1		Văn phòng HDDND-UBND	
3	Kết quả quản lý, điều hành của người đứng đầu UBND cấp huyện trong việc đạt điểm tối đa các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5	1		Phòng Nội vụ	
4	Đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	0.5		Phòng VH TT	
5	100% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1			
6	Đã triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại đến 100% cấp xã	0.5		Văn phòng HĐND-UBND	
III	ĐIỂM TRỪ	5			
1	Có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về kết quả giải quyết công việc, TTHC, thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, chậm trễ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý đúng hoặc đúng một phần	1		Văn phòng HĐND-UBND	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã
2	Phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông không đảm bảo thời hạn quy định	1			
3	Dưới 100% các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã cập nhật, công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC và thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	ngiht tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Công/Trang thông tin điện tử				
4	Có từ 01 hồ sơ TTHC trở lên trong năm giải quyết trễ hạn nhưng không thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân	1			
5	Có lĩnh vực, hồ sơ TTHC còn tiếp nhận tại phòng chuyên môn không qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1			
IV	ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	30			
1	Đánh giá về công tác chỉ đạo, đôn đốc và tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu địa phương	2		Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã	
2	Đánh giá về mức độ kịp thời, đầy đủ và thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Công/Trang thông tin điện tử của địa phương và sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin để giải quyết hồ sơ, TTHC (tuyên truyền, phổ biến đến người dân...)	2			
3	Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của địa phương	2			
4	Số lần phải liên hệ với cơ quan tiếp nhận để hoàn thiện hồ sơ TTHC	2			
5	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC cơ quan, đơn vị cung cấp	2			
6	Tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin TTHC được niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của địa phương	2			
7	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC tại địa phương	2			
8	Thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC	2			
9	Năng lực giải quyết hồ sơ, TTHC của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			
10	Thời gian trả kết quả giải quyết, xử lý hồ sơ TTHC so với quy định	2			
11	Sự phù hợp với pháp luật của kết quả giải quyết TTHC và chi phí thực hiện TTHC; các chi phí phát sinh ngoài quy định của pháp	2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	2	3	4	5	6
	luật khi thực hiện các TTHC				
12	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức giải quyết hồ sơ TTHC	2			
13	Thời gian và chất lượng ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân	2			
14	Có thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn	2			
15	Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của địa phương	2			
	TỔNG ĐIỂM	100			

